

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MƯỜNG KIM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2255/BC-UBND

Mường Kim, ngày 25 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã năm 2025;
dự toán thu ngân sách, phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2026**
(Trình kỳ họp thứ 05 HĐND xã Mường Kim khóa XXI)

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân xã, khóa XXI. Ủy ban nhân dân xã Mường Kim báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã năm 2025; dự toán thu ngân sách, phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2026 gồm các nội dung sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhiệm vụ chi ngân sách ngày càng tăng, đặc biệt sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân xã Mường Kim đã tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

Về thu ngân sách, xã đã tăng cường công tác quản lý các nguồn thu trên địa bàn, đôn đốc thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thu theo phân cấp; chủ động khai thác các nguồn thu hợp pháp, góp phần bảo đảm nguồn lực cho nhiệm vụ chi. Tổng thu ngân sách cơ bản đạt và vượt dự toán giao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cân đối ngân sách địa phương.

Về chi ngân sách, công tác điều hành chi được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên thiết yếu, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, các chính sách đối tượng và nhiệm vụ phát sinh sau sắp xếp đơn vị hành chính. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tăng cường; chi ngân sách bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức.

Nhìn chung, công tác quản lý thu, chi ngân sách xã Mường Kim năm 2025 được thực hiện tương đối hiệu quả, góp phần ổn định tình hình tài chính - ngân sách địa phương và phục vụ tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Tổng thu ngân sách xã thực hiện đến ngày 25/11/2025, đạt 196.873 triệu đồng; ước thực hiện đến ngày 31/12/2025 đạt 248.276 triệu đồng, bằng 129% dự toán Hội đồng nhân dân xã giao sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến ngày 25/11/2025 là: 205 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch; ước đến ngày 31/12/2025 là: 231,3 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch dự toán giao.

Trong đó:

- Thu các khoản thu 100% (Phí, lệ phí, Thu từ quỹ đất công ích, thu khác...) ước thực hiện 75 triệu đồng, đạt 88,6% kế hoạch dự toán.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % (gồm: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ...) ước thực hiện 56 triệu đồng, đạt 166% kế hoạch dự toán.

2. Thu chuyển nguồn: 2.300 triệu đồng.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

Thực hiện đến 25/11/2025 là: 194.366 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 245.744 triệu đồng.

Trong đó:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 185.499 triệu đồng.

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 60.245 triệu đồng.

(Có biểu 01 kèm theo)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi NSNN

Ngay sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các phòng chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSNN, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với dự toán được duyệt; việc quản lý, mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

2. Kết quả thực hiện (Thực hiện đến ngày 25/11/2025)

Thực hiện: 185.166/248.276 triệu đồng đạt 75% kế hoạch, ước thực hiện cả năm là: 248.276 triệu đồng (Chi chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 2.300 triệu đồng) tăng 29% so với dự toán giao sau khi sáp nhập đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Các lĩnh vực cụ thể (Thực hiện đến ngày 25/11/2025)

- Chi hoạt động quốc phòng thực hiện: 421 triệu đồng đạt 81%, ước thực hiện đến 31/12/2025 là: 518 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).

- Chi hoạt động an ninh thực hiện: 1.674 triệu đồng đạt 96%, ước thực hiện đến 31/12/2025 là: 1.736 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo thực hiện: 112.309 triệu đồng đạt 78%, ước thực hiện đến 31/12/2025 là: 143.343 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).

- Chi sự nghiệp kinh tế thực hiện: 3.921 triệu đồng đạt 94%, dự ước thực hiện đến 31/12/2025 là: 4.186 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin thực hiện: 1.567 triệu đồng đạt 74%, ước thực hiện đến 31/12/2024 là: 2.114 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao thực hiện: 35 triệu ước thực hiện cả năm đạt: 131 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Chi sự nghiệp truyền thanh ước thực hiện cả năm 37 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Chi đảm bảo xã hội thực hiện: 8.753 triệu đồng đạt 83%, ước thực hiện cả năm: 10.572 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Chi hoạt động Quản lý hành chính thực hiện: 51.025 triệu đồng đạt 73%, ước thực hiện cả năm: 69.962 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Chi khác ước thực hiện cả năm 68 triệu đồng đạt 100% kế hoạch
- Chi Dự phòng ngân sách thực hiện: 3.086 triệu đồng đạt 49%, ước thực hiện đến 31/12/2025 là: 6.259 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Chi thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia: 2.372 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 9.347 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).

(Có phụ biểu 02 kèm theo)

3. Đánh giá chung

a. Ưu điểm

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thường trực Đảng ủy, sự giám sát của HĐND xã và sự chỉ đạo điều hành của UBND xã, cùng với tinh thần trách nhiệm, đoàn kết của tập thể cán bộ, công chức, công tác thu ngân sách năm 2025 được tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch cấp trên giao, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý thu trên địa bàn. UBND xã chủ động rà soát các khoản thu, đôn đốc thu đúng, thu đủ, kịp thời, hạn chế thất thu ngân sách. Dự ước thu ngân sách trên địa bàn đến cuối năm đảm bảo hoàn thành theo chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã giao, góp phần tăng nguồn lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Về công tác chi ngân sách, UBND xã luôn tuân thủ nguyên tắc chi theo dự toán được phê duyệt, đảm bảo quản lý chặt chẽ, chi đúng, chi đủ và chi hiệu quả theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Kinh phí được ưu tiên cho các nhiệm vụ bắt buộc như giáo dục, y tế, an sinh xã hội, đảm bảo an ninh trật tự, công tác phòng chống thiên tai và các chương trình mục tiêu triển khai trên địa bàn. Bên cạnh đó, việc thẩm định, kiểm soát chứng từ chi tiêu được thực hiện nghiêm túc, góp phần hạn chế lãng phí và nâng cao trách nhiệm trong sử dụng ngân sách.

Trong quản lý vốn đầu tư phát triển, năm 2025 UBND xã được giao làm chủ đầu tư các công trình khởi công mới sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. UBND xã đã tập trung chỉ đạo các phòng chuyên môn trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án và tổ

chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định. Các công trình, dự án đang trong quá trình triển khai và hoàn thiện, đảm bảo tuân thủ quy trình quản lý đầu tư, hồ sơ thanh quyết toán theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành. Công tác giám sát, nghiệm thu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng công trình phục vụ nhu cầu dân sinh và nhiệm vụ phát triển của xã.

b. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thu, chi ngân sách năm 2025 vẫn còn một số hạn chế cần được quan tâm khắc phục. Xã Mường Kim là xã đặc biệt khó khăn, đời sống nhân dân còn thấp, nguồn sinh kế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp nên dễ bị tác động bởi thiên tai, thời tiết cực đoan; điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phát triển kinh tế, tạo nguồn thu và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Về thu ngân sách, xã chưa có nguồn thu ổn định, cơ cấu thu chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách cấp trên, trong khi các khoản thu trên địa bàn không đáng kể và thiếu tính bền vững. Về chi ngân sách, tiến độ giải ngân một số nguồn vốn sự nghiệp và vốn thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia còn chậm, nguyên nhân chủ yếu do vướng mắc về thủ tục chuyên môn, thời gian giao vốn muộn và điều kiện thực hiện chưa đảm bảo theo quy định, dẫn đến hiệu quả sử dụng ngân sách chưa thực sự cao.

Phần thứ II

DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của xã được UBND tỉnh giao. Ủy ban nhân dân xã báo cáo xây dựng dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026, cụ thể như sau:

I. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ

Thứ nhất, Việc phân bổ dự toán ngân sách xã được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; các nghị định, thông tư hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Tài chính; các nghị quyết của HĐND tỉnh đã quy định.

Thứ hai, Dự toán chi phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách xã, trên cơ sở dự báo thu ngân sách thực tế, bảo đảm cân đối chi - thu theo đúng quy định.

Thứ ba, Ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên thiết yếu, chi con người, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh và các chính sách an sinh theo quy định.

Thứ tư, Việc phân bổ kinh phí phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bố trí chi đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tránh trùng lặp, dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Thứ năm, Kinh phí được phân bổ theo mức độ quan trọng và cấp thiết của từng nhiệm vụ; bảo đảm đủ nguồn cho các chương trình, dự án trọng tâm như:

chương trình mục tiêu quốc gia, xóa nhà tạm - nhà dột nát, nhiệm vụ chuyển đổi số, sắp xếp đơn vị hành chính...

Thứ sáu, Các khoản chi được bố trí theo đúng định mức phân bổ ngân sách, tiêu chuẩn và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định.

Thứ bảy, Các đơn vị sử dụng ngân sách được giao dự toán để chủ động triển khai nhiệm vụ; chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí; thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính.

Thứ tám, Bố trí dự phòng ngân sách để chủ động xử lý các nhiệm vụ đột xuất như thiên tai, dịch bệnh, quốc phòng - an ninh và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên.

II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026

1. Dự toán thu ngân sách xã năm 2026: 208.036 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh tám tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

Bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên: 197.148 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 387 triệu đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 10.500 triệu đồng.

(Có phụ biểu 03 kèm theo)

2. Dự toán chi và phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2026

Căn cứ kế hoạch giao dự toán của UBND tỉnh, dự kiến dự toán chi ngân sách xã Mường Kim năm 2026 là: **208.036 triệu đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm linh tám tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn.*)

(Có phụ biểu 04 kèm theo)

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026.

1. Tiếp tục tổ chức triển khai tốt công tác thu, chi ngân sách đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; thực hiện công tác thanh, quyết toán ngân sách cuối năm 2025 kịp thời, chính xác, đúng thời hạn và đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về phí, lệ phí và quy định thu phí, lệ phí theo Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu về quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn; UBND xã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, hộ kinh doanh, HTX tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, góp phần mở rộng nguồn thu, đảm bảo khai thác tối đa các khoản thu theo đúng quy định.

4. Tiếp tục triển khai các hoạt động quảng bá, thu hút đầu tư và từng bước xây dựng các điểm du lịch của địa phương như Chợ phiên Tà Mung, Vịnh Pá

Khôm, Làng cá Thắm Phé trở thành những điểm đến hấp dẫn, mang đậm bản sắc văn hóa vùng cao. Trong đó, tập trung khai thác các sản vật địa phương độc đáo, phát huy hình ảnh con người Mường Kim thân thiện, mộc mạc; đồng thời xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng giàu giá trị văn hóa dân tộc. Việc phát triển du lịch gắn với thương mại - dịch vụ được kỳ vọng sẽ tạo thêm nguồn thu mới cho ngân sách xã trong thời gian tới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

5. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các hoạt động chi thường xuyên của đơn vị; sử dụng ngân sách đúng mục đích, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ bắt buộc và nhiệm vụ trọng tâm phục vụ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của UBND xã Mường Kim, kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định. / *muoi*

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ VN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, KT. *✍*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Nội

UBND Xã: MƯỜNG KIM

Biểu 01

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 2255/BC-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Mường Kim)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	Dự toán thực hiện		So sánh ước thực hiện với dự toán (%)
			11 tháng đầu năm 2025	Ước đến 31/12/2025	
A	B	l	2	3	4 = 3/l
	Tổng số thu	248.276.013	196.873.049	248.276.013	100,00
I	Các khoản thu 100%	197.500	158.341	175.077	88,65
1	Phí, lệ phí	60.600	49.053	63.289	104
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	33.010	33.752	33.752	102
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				
4	Thu khác	103.890	75.536	78.036	75
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	33.800	47.413	56.223	166,3
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		167	167	
2	Thuế thu nhập cá nhân		17.366	20.866	
3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.400	9.790	9.790	117
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	25.400	20.090	25.400	100
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)				
IV	Thu chuyển nguồn	2.300.640	2.300.640	2.300.640	100
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	245.744.073	194.366.655	245.744.073	100
1	Thu bổ sung cân đối	185.499.000	156.396.000	185.499.000	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu	60.245.073	37.970.655	60.245.073	100

UBND Xã: Mường Kim

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 2255/BC-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Mường Kim)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	THỰC HIỆN			So sánh ước thực hiện với Dự toán năm (%)
			11 tháng đầu năm	XDCB	Ước thực hiện đến 31/12/2025	
A	B	I	2	3	4	5
	TỔNG CHI	248.276.013	185.166.679	-	248.276.013	100,0
I	CHI THƯỜNG XUYÊN	232.669.509	179.707.699	0	232.669.509	100,0
1	Chi Quốc phòng - An ninh	2.254.239	2.094.889	0	2.254.239	100
	- Chi dân quốc phòng	518.239	421.076		518.239	100
	- Chi an ninh	1.736.000	1.673.813		1.736.000	100
2	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	143.343.260	112.309.793		143.343.260	100
3	Sự nghiệp kinh tế	4.185.981	3.921.429		4.185.981	110
5	Sự nghiệp VH Thông tin	2.114.500	1.567.488		2.114.500	100
6	Chi thể dục, thể thao	131.000	34.927		131.000	100
7	Truyền thanh, truyền hình	37.000			37.000	100
8	Chi đảm bảo xã hội	10.572.900	8.753.302		10.572.900	100
9	Chi hoạt động các cơ quan hành chính, Đảng, Đoàn thể	69.962.629	51.025.871		69.962.629	100
10	Chi khác	68.000			68.000	100
II	CHI DỰ PHÒNG NHÂN SÁCH	6.259.190	3.086.000		6.259.190	100
III	CHI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG	9.347.314	2.372.980		9.347.314	100

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 2255/BC-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Mường Kim)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	TÌNH GIAO	HĐND XÃ GIAO	SỐ SÁNH VỚI TÌNH GIAO	GHI CHÚ
1	2	3	4	6	7
	TỔNG THU NSDP	208.036.000	208.036.000	100%	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.867.000	9.867.000	100%	
	<i>Ngân sách xã được hưởng</i>	<i>9.867.000</i>	<i>9.867.000</i>	<i>100%</i>	
	<i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>383.000</i>	<i>383.000</i>	<i>100%</i>	
	<i>Ngân sách Trung ương hưởng</i>	<i>250.000</i>	<i>250.000</i>	<i>100%</i>	
	Thu nội địa	10.500.000	10.500.000	100%	
1	Thu tư khu vực DNNN do địa phương quản lý				
2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	5.886.000	5.886.000	100%	
3	Lệ phí trước bạ	1.800.000	1.800.000	100%	
4	Thu phí, lệ phí	300.000	300.000	100%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	473.000	473.000	100%	
6	Tiền sử dụng đất	1.500.000	1.500.000	100%	
	<i>Trong đó:</i>				
	- <i>Ngân sách Trung ương hưởng</i>	<i>225.000</i>	<i>225.000</i>	<i>100%</i>	
	- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>383.000</i>	<i>383.000</i>	<i>100%</i>	
	- <i>Ngân sách xã hưởng</i>	<i>892.000</i>	<i>892.000</i>	<i>100%</i>	
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước				
8	Thu khác ngân sách	500.000	500.000	100%	
	<i>Trong đó:</i>				
	- <i>Ngân sách Trung ương hưởng</i>	<i>25.000</i>	<i>25.000</i>	<i>100%</i>	
	- <i>Ngân sách xã hưởng</i>	<i>475.000</i>	<i>475.000</i>	<i>100%</i>	
8	Thu cố định tại xã		-		
9	Thu hoa lợi công sản quỹ đất công ích	40.000	40.000	100%	
10	Thu tiền thuế sử dụng đất phi NN	1.000	1.000	100%	
B	THU TRỢ CẤP	198.556.000	198.556.000	100%	
1	Bổ sung cân đối	198.169.000	198.169.000	100%	
2	Bổ sung thực hiện các chương trình MTQG	-	-	0%	
3	Bổ sung có mục tiêu	387.000	387.000	100%	

Trong đó:

STT	Nội dung	Dự toán HBNĐ xã giao năm 2026	Văn phòng UBND	Văn phòng Đảng ủy xã	Ủy ban MTTQVN xã	Phòng Kinh tế	Trung tâm phục vụ hành chính công	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trường Mầm non Kim Sơn	Trường Mầm non TA Mung	Trường Mầm non TA Hòa	Trường Tiểu học Mông Kim	Trường Tiểu học Mông Kim	Trường PTDTBT Tiểu học TA Mung	Trường PTDTBT Tiểu học TA Hòa	Trường TH&THCS xã Pù Mù (cấp tiểu học)	Trường TH&THCS xã Pù Mù (cấp tiểu học)	Trường TH&THCS Pù Mù(Cấp THCS)	Trường TH&THCS Pù Mù(Cấp THCS)	Trường THCS Mông Kim	Trường THCS TA Mung	Trường PTDTBT THCS TA Hòa	Trường PTDTBT THCS TA Hòa	Ghi chú	
																										488.000
	- Chi khác định mức theo biên chế giáo viên	3.344.000																								
	- Kinh phí chi độ thừa giữ, chế độ trợ người học, bồi dưỡng học sinh giỏi, tin tức nhà giáo...	2.544.196																								
	- Quy thi đưa học sinh thường + hoạt động ngoài giờ	501.000						501.000																		
	Kinh phí liên lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	4.291.000																								
	KP thực hiện NB 116/2016/NĐ-CP, Nghị định 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ	8.190.000																								
	Chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ và Chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 27/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	3.026.000																								
	Kinh phí thực hiện Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (Thay thế 81/2021/NĐ-CP)	4.263.000																								
	KP học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	72.000																								
	Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyến khích thi thộc bộ ngành và hộ cận nghèo theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	464.000																								
	Kinh phí hỗ trợ tiền miễn ăn tại các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND	192.000																								
	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất các trường, lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới	1.084.300					1.084.300																			
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường vùng ĐBKK, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới	495.000					495.000																			
	Chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban dân tộc giải độn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của HĐND tỉnh (thay thế Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)	379.000																								
	Hỗ trợ kinh phí đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc. Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh	96.000							96.000																	
	Kinh phí sự nghiệp giáo dục thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác	1.886.604							1.886.604																	
	Kinh phí đào tạo	1.236.000							1.236.000																	
3.2	Kinh phí đào tạo	641.000							641.000																	

- Kinh phí đào tạo ngoài cho lao động nông

STT	Nội dung	Dự toán HBND xã giao năm 2026	Văn phòng HBND-UBND	Văn phòng Đảng ủy xã	Ủy ban MITQVN xã	Phòng Kinh tế	Trung tâm phục vụ Dịch vụ công	Trung tâm Dịch vụ công bvp	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trường Mầm non Mương Kín	Trường Mầm non TA Mường	Trường Mầm non Pha Mú	Trường Tiểu học Mương Kín	Trường Tiểu học TA Hĩa	Trường THCS Mương Kín	Trường PTDTBT THCS TA Mường	Trường TH&THCS Pha Mú(Cấp THCS)	Trường PTDTBT THCS TA Hĩa	Ghi chú
	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.	595.000	-	-	-	-	-	-	595.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao - truyền thông	1.171.000	-	-	-	-	-	440.000	731.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Kinh phí hoạt động Văn hóa, thông tin: Tr.đs: - Kinh phí hoạt động chào năm mới, Báo cáo tuyên truyền, KP tham gia các hội thi, hội diễn	196.000	-	-	-	-	-	-	196.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí Lễ hội truyền thống (2/9)	120.000	-	-	-	-	120.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.3	Kinh phí lễ hội Gầu Thào, Lễ hội Xòe chông, Lễ hội đua thuyền, lễ hội Kim Khâu Mầu	320.000	-	-	-	-	90.000	-	320.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Chiếm sóc báo cáo khu di tích bản Luôt	100.000	-	-	-	-	-	-	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.5	Kinh phí thực hiện NQ để in phát triển bản sắc VT truyền thống, tài liệu của dân tộc gắn với di tích công đồng theo NQ 04 (Cơm mới, Thơm Kim Pung, Tè dân tộc Mường)	90.000	-	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.6	Kinh phí hoạt động Thể dục Thể thao: Tr.đs: - KP ĐH ĐHTT tỉnh, KP tổ chức các giải thể thao tại địa phương...	180.000	-	-	-	-	180.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.7	Kinh phí thực hiện truyền thanh	50.000	-	-	-	-	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.8	Kinh phí trong thông tin điện tử	25.000	-	-	-	-	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.9	Kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước theo Nghị quyết 67/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024	90.000	-	-	-	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Chi Báo đảm xã hội	7.093.000	663.000	-	-	274.000	-	-	6.156.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/1/2021 của Chính phủ.	4.268.000	-	-	-	-	-	-	4.268.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Chi độ mai táng phí đối với người dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của HĐND tỉnh	150.000	-	-	-	-	-	-	150.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.3	Kinh phí chi trả đối với tổ chức dịch vụ chỉ trả chính sách trợ giúp xã hội bằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024	103.000	-	-	-	-	-	-	103.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.4	Kinh phí tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/QĐ-TTg	274.000	-	-	-	274.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.5	Chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS sinh con đúng chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP	20.000	-	-	-	-	-	-	20.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.6	Chính sách đối với người cai nghiện ma túy, người được giao nhiệm vụ hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện từ gia đình, công đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	646.000	646.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Trong đó:

STT	Nội dung	Dự toán HBND sẽ giao năm 2026	Văn phòng HBND-UBND	Văn phòng Đảng ủy xã	Ủy ban MTTQVN xã	Phòng Kinh tế	Trung tâm thực vụ Hành chính công	Trung tâm Dịch vụ công hợp	Phòng Văn hóa - XA hội	Trường Mầm non Mường Kim	Trường Mầm non Xã Pha Mu	Trường Tiểu học Mường Kim	Trường TH&THCS Tiểu học Xã Mường	Trường TH&THCS Xã Pha Mu (cấp tiểu học)	Trường PTDTBT Tiểu học Xã Hòa	Trường THCS Mường Kim	Trường PTDTBT THCS Xã Mường	Trường TH&THCS Pha Mu(Cấp THCS)	Trường PTDTBT THCS Xã Hòa	Chi cứu
3.7	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã giả yếu đời nghỉ việc theo Thông tư số 08/2024/TT- BNV ngày 05/7/2024 của Bộ Nội vụ.	462.000							462.000											
3.8	Trợ cấp hưu trí theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP của Chính phủ	900.000							900.000											
3.9	Chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	43.000							43.000											
3.10	Kinh phí hỗ trợ người được phân công trực tiếp giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu	17.000	17.000																	
3.11	Kinh phí các tho, mừng thọ theo Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND	80.000							80.000											
3.12	Kinh phí thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán đối đồng viên được tặng 60 năm tuổi đảng trở lên, các đối tượng B1, B2, B3, B4 theo Nghị quyết số 70/2023/NQ- HĐND; kinh phí thăm hỏi tăng quà ngày Thương binh - Liệt sĩ 27 tháng 7 cho các đối tượng B1, B2, B3, B4, B5 theo Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND.	130.000							130.000											
6	Chi Quản lý hành chính.	28.424.800	7.686.015	8.716.242	5.415.582	2.903.900	1.216.274	-	2.486.786											
6.1	Chi Quản lý nhà nước	18.118.000	7.026.445	1.980.202	2.744.392	2.903.900	1.136.274	-	2.326.786											
	- Kinh phí tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương	7.761.000	3.093.189			2.334.532	773.129		1.560.150											
	Chi khác định mức theo biên chế	1.328.000	498.000			431.600	269.600		128.800											
	Quỹ hỗ trợ khen thưởng	76.000							76.000											
	435.000	435.000																		
	- Kinh phí hợp đồng theo ND 111	414.000	158.256			137.768	36.545		81.430											
	Kinh phí 10% tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	7.103.000	2.560.000	1.980.202	2.492.942				69.856											
	Phụ cấp hàng tháng đối với cán bộ KCT theo NQ 69/2023/NQ-HĐND	512.000			101.450				410.550											
	- Kinh phí bảo vệ Đại biểu quốc hội khóa XV và HĐND các cấp	489.000	282.000		150.000		57.000													
	- Kinh phí bổ trợ theo nhiệm vụ	282.000	282.000				57.000													
6.2	Chi Kinh phí Đảng	5.764.000		5.764.000																
	- Tiền Lương, các khoản đóng góp, phụ cấp theo biên chế được giao	4.423.000	4.423.000																	
	- Định mức cho Hợp đồng ND 111	145.000	145.000																	
	- Kinh phí hoạt động cơ yếu	40.000	40.000																	
	- Định mức chi khác theo biên chế được giao	626.000	626.000																	

